CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực

Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực.[1]

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực về quy hoạch và đầu tư phát

---

[1] Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật phòng, chống tác hại thuốc lá ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 30 tháng 6 năm 2011 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 12 tháng 7 năm 2013;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương."

triển điện lực; quản lý nhu cầu điện; mua bán điện; giá điện; giấy phép hoạt động điện lực; điều tiết hoạt động điện lực; kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện.

Điều 2. Tổ chức điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực

1. Thực hiện điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực theo chu kỳ 05 năm hoặc trước thời hạn để đáp ứng kịp thời các yêu cầu thay đổi của phát triển kinh tế - xã hội.

2. Bộ Công Thương tổ chức lập và phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí để thực hiện điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, bao gồm cả kinh phí cho nhiệm vụ thẩm định và công bố; đăng ký kế hoạch kinh phí ngân sách nhà nước cho thực hiện điều chỉnh quy hoạch theo quy định.

3.[2] ***(được bãi bỏ)***

Điều 3. Quản lý, thực hiện quy hoạch phát triển điện lực

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm:

a)[3] Thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch phát triển điện lực; hướng dẫn lập, phê duyệt kế hoạch đầu tư phát triển điện lực hàng năm, trung hạn (gồm kế hoạch phát triển nguồn điện, lưới điện các cấp 500 kV, 220 kV, 110 kV) trên cơ sở quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được duyệt;

b) Công bố quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, bao gồm cả quy hoạch điều chỉnh đã được phê duyệt;

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng cơ chế, giải pháp thực hiện quy hoạch phát triển điện lực trình Thủ tướng Chính phủ;

d) Tổ chức theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện quy hoạch phát triển điện lực quốc gia;

đ) Định kỳ hàng năm tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, sự tác động và ảnh hưởng của việc thực hiện quy hoạch phát triển điện lực quốc gia để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a)[4] ***(được bãi bỏ)***

---

[2] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[3] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[4] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

b)[5] Bố trí quỹ đất trong quy hoạch sử dụng đất tại địa phương cho các dự án điện lực trong quy hoạch phát triển điện lực;

c) Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư thực hiện việc giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ di dân, tái định cư cho các dự án điện lực;

d)[6] ***(được bãi bỏ)***

đ)[7] Định kỳ hằng năm tổng kết, đánh giá kết quả, sự tác động và ảnh hưởng của việc thực hiện nội dung quy hoạch về phát triển điện lực tại địa phương trong Quy hoạch tỉnh, báo cáo Bộ Công Thương.

3. Chủ đầu tư các dự án điện lực có trách nhiệm:

a) Cấp đủ, kịp thời kinh phí cho đơn vị thực hiện bồi thường, hỗ trợ di dân, tái định cư dự án điện lực;

b) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương các hồ sơ có liên quan đến việc cấp đất cho mặt bằng, hành lang an toàn, khu nhà ở của công nhân viên, khu di dân tái định cư của các dự án điện lực;

c) Phối hợp với đơn vị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thực hiện công tác bồi thường, di dân, tái định cư để triển khai bồi thường, hỗ trợ di dân, tái định cư, giải phóng mặt bằng;

d) Định kỳ hàng năm báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý thực hiện quy hoạch phát triển điện lực về tình hình triển khai thực hiện dự án.

4. Tổ chức, cá nhân có nhà và tài sản gắn với diện tích đất thuộc phạm vi mặt bằng, hành lang an toàn của các dự án điện lực có trách nhiệm:

a) Thực hiện đúng thời hạn bàn giao mặt bằng trong quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp đối với diện tích đất dành cho công trình điện lực theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Hợp tác với đơn vị thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ di dân, tái định cư trong việc di dời, giải phóng mặt bằng, hành lang an toàn của các dự án nguồn điện, lưới điện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định đầu tư.

5.[8] Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương quy định kinh phí hàng năm để thực hiện các nội dung quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều này.

---

[5] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[6] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[7] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[8] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

Điều 4. Nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng

1. Nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh quy định tại Khoản 2 Điều 4 Luật điện lực bao gồm:

a) Nhà máy điện hạt nhân;

b) Một số nhà máy thủy điện.

2. Bộ trưởng Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục các nhà máy điện quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 5. Trách nhiệm đầu tư xây dựng trạm điện

1. Đơn vị phát điện có trách nhiệm đầu tư xây dựng trạm cắt, trạm biến áp trong phạm vi quản lý của mình đồng bộ với trang thiết bị công nghệ phát điện để đấu nối với hệ thống điện, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Đơn vị truyền tải điện, phân phối điện có trách nhiệm đầu tư xây dựng trạm biến áp, trạm cắt, trạm bù công suất phản kháng trong phạm vi quản lý của mình, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Điều 6. Xây dựng, cải tạo lưới điện

1. Các đường dây, trạm biến áp truyền tải và phân phối điện xây dựng mới phải được thiết kế và sử dụng các trang thiết bị kỹ thuật, công nghệ phù hợp với các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) hoặc tiêu chuẩn nước ngoài tương đương hoặc cao hơn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép áp dụng tại Việt Nam.

2. Đơn vị truyền tải điện, phân phối điện có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, lộ trình cải tạo, nâng cấp các đường dây, trạm biến áp truyền tải và phân phối điện hiện có để đảm bảo các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) hoặc tiêu chuẩn nước ngoài tương đương hoặc cao hơn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép áp dụng tại Việt Nam.

3. Tổ chức, cá nhân có đường dây, trạm biến áp riêng chịu trách nhiệm đầu tư để cải tạo, nâng cấp đường dây, trạm biến áp của mình khi đơn vị truyền tải điện, phân phối điện xác định đường dây, trạm biến áp riêng đó không bảo đảm tiêu chuẩn vận hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Điều 7. Điều kiện đấu nối công trình điện lực vào lưới điện quốc gia

1. Công trình điện lực đấu nối vào hệ thống điện quốc gia phải đáp ứng các điều kiện, quy chuẩn kỹ thuật và có Thỏa thuận đấu nối với đơn vị quản lý lưới điện.

2. Bộ Công Thương quy định các điều kiện, quy chuẩn kỹ thuật, phương pháp xác định chi phí đấu nối ban đầu, chi phí thuê quản lý vận hành hàng năm (nếu có); trình tự thực hiện đấu nối; mẫu Thỏa thuận đấu nối.

Điều 8. Hỗ trợ đầu tư phát triển điện lực ở nông thôn, miền núi, biên giới và hải đảo

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn việc thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với việc đầu tư phát triển điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

Điều 9. Quản lý nhu cầu điện

Quản lý nhu cầu điện theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 16 Luật điện lực là những hoạt động khuyến khích, hướng dẫn việc thay đổi phương thức sử dụng điện; sử dụng các thiết bị điện hiệu suất cao; chống lãng phí, giảm tổn thất điện năng; giảm phụ tải đỉnh, giảm chênh lệch phụ tải giữa giờ cao điểm và thấp điểm.

Điều 10. Trách nhiệm quản lý nhu cầu điện

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm:

a) Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình quốc gia về quản lý nhu cầu điện và hướng dẫn, tổ chức thực hiện;

b) Ban hành các quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về quản lý nhu cầu điện;

c) Hướng dẫn các đơn vị điện lực thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, kế hoạch thực hiện quản lý nhu cầu điện;

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng và ban hành cơ chế tài chính để khuyến khích, hỗ trợ thực hiện chương trình quốc gia về quản lý nhu cầu điện; thực hiện nghiên cứu và phát triển liên quan đến quản lý nhu cầu điện.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Xây dựng chương trình và giải pháp để thực hiện quản lý nhu cầu điện, sử dụng điện hiệu quả của các nhóm khách hàng sử dụng điện thuộc phạm vi quản lý; đưa mục tiêu chương trình vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch sản xuất của địa phương và kiểm tra, đánh giá việc thực hiện; tổ chức, bố trí nguồn lực phù hợp để thực hiện quản lý nhu cầu điện, sử dụng điện hiệu quả;

b) Kiểm tra, giám sát và báo cáo Bộ Công Thương kết quả thực hiện chương trình quản lý nhu cầu điện, sử dụng điện hiệu quả của các nhóm khách hàng sử dụng điện thuộc phạm vi quản lý; xử lý kịp thời các trường hợp không thực hiện đúng quy định pháp luật về quản lý nhu cầu điện, sử dụng điện hiệu quả.

3. Các đơn vị điện lực có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động của chương trình quốc gia về quản lý nhu cầu điện;

b) Báo cáo kết quả thực hiện các kế hoạch quản lý nhu cầu điện theo quy định.

4. Khách hàng sử dụng điện có trách nhiệm tham gia thực hiện các nội dung trong chương trình quốc gia về quản lý nhu cầu điện.

Điều 11. Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt

1. Điều kiện ký hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt

a) Bên mua điện phải có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật và có giấy đề nghị mua điện kèm theo bản sao của một trong các giấy tờ sau: Hộ khẩu thường trú, hoặc sổ tạm trú; giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở hoặc quyết định phân nhà; hợp đồng mua bán nhà hợp lệ; hợp đồng thuê nhà có thời hạn từ 01 năm trở lên; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trên đất đã có nhà ở); Hợp đồng ủy quyền quản lý và sử dụng nhà được công chứng hoặc chứng thực;

b) Bên bán điện có lưới điện phân phối đủ khả năng cung cấp điện đáp ứng nhu cầu của bên mua điện.

2. Bên bán điện phải ký hợp đồng và cấp điện cho bên mua điện trong thời hạn 07 ngày làm việc khi có đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp chưa có lưới điện phân phối hoặc lưới điện phân phối bị quá tải có xác nhận của cơ quan Điều tiết điện lực hoặc cơ quan được ủy quyền, bên bán điện phải trả lời cho bên mua điện trong thời hạn 05 ngày làm việc trong đó nêu rõ thời hạn dự kiến cấp điện được.

4. Bộ Công Thương ban hành mẫu hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt.

Điều 12. Bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán điện

1. Bên mua điện là khách hàng sử dụng điện có sản lượng điện tiêu thụ bình quân từ 1.000.000 kWh/tháng trở lên có trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi hợp đồng mua bán điện có hiệu lực.

2. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng do các bên mua, bán điện thỏa thuận, nhưng không vượt quá 15 ngày tiền điện, được tính trên cơ sở sản lượng điện tiêu thụ trung bình tháng đăng ký trong hợp đồng mua bán điện và giá điện năng giờ bình thường được áp dụng.

3. Biện pháp, hình thức, hiệu lực bảo đảm, quyền và nghĩa vụ trong việc bảo đảm do các bên thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng mua bán điện; khuyến khích thực hiện biện pháp bảo lãnh qua ngân hàng.

4. Bên bán điện có quyền ngừng cấp điện cho bên mua điện trong trường hợp bên mua điện không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, không duy trì biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

5. Quy định về bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán điện không áp dụng đối với các hợp đồng mua bán điện đã có hiệu lực trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực, trừ các hợp đồng mua bán điện mà hai bên đã có thỏa thuận về bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Điều 13. Hành vi vi phạm hợp đồng mua bán điện

1. Các hành vi vi phạm của bên bán điện bao gồm:

a) Trì hoãn việc cấp điện theo hợp đồng mua bán điện đã ký, trừ trường hợp công trình của khách hàng chưa đủ điều kiện vận hành;

b) Không bảo đảm chất lượng, số lượng điện năng, tính ổn định trong cấp điện theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Ghi sai chỉ số công tơ; tính sai tiền điện trong hóa đơn;

d) Trì hoãn hoặc không bồi thường cho bên mua điện về những thiệt hại do lỗi của mình gây ra;

đ) Các hành vi khác vi phạm các quy định về mua bán điện.

2. Các hành vi vi phạm của bên mua điện bao gồm:

a) Trì hoãn việc thực hiện hợp đồng đã ký;

b) Sử dụng điện sai mục đích ghi trong hợp đồng;

c) Sử dụng quá công suất đã đăng ký trong biểu đồ phụ tải được ghi trong hợp đồng mua bán điện vào giờ cao điểm;

d) Không thanh lý hợp đồng khi không sử dụng điện;

đ) Chậm trả tiền điện theo quy định mà không có lý do chính đáng;

e) Trì hoãn hoặc không bồi thường cho bên bán điện về những thiệt hại do lỗi của mình gây ra;

g) Các hành vi khác vi phạm các quy định về mua bán điện.

Điều 14. Ngừng, giảm mức cung cấp điện

1. Bên bán điện được ngừng, giảm mức cung cấp điện trong các trường hợp sau:

a) Ngừng hoặc giảm mức cung cấp điện theo quy định tại Điều 27 Luật điện lực;

b) Bên mua điện có hành vi vi phạm quy định tại các Khoản 1, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 7 Luật điện lực;

c) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật điện lực, Luật xây dựng, pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Bộ Công Thương quy định cụ thể về điều kiện, trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện; chi phí ngừng và cấp điện trở lại.

Điều 15. Chất lượng điện năng

1. Điện áp và tần số cho sử dụng điện phải đảm bảo các tiêu chuẩn sau đây:

a) Về điện áp: Trong điều kiện bình thường, độ lệch điện áp cho phép trong khoảng ± 5% so với điện áp danh định của lưới điện và được xác định tại vị trí đặt

thiết bị đo đếm điện hoặc tại vị trí khác do hai bên thỏa thuận. Đối với lưới điện chưa ổn định sau sự cố, độ lệch điện áp cho phép từ +5% đến -10%;

b) Về tần số: Trong điều kiện bình thường, độ lệch tần số hệ thống điện cho phép trong phạm vi ± 0,2Hz so với tần số danh định là 50Hz. Đối với lưới điện chưa ổn định sau sự cố đơn lẻ, độ lệch tần số cho phép là ± 0,5Hz.

2. Bộ Công Thương có trách nhiệm ban hành quy định các tiêu chuẩn chất lượng điện năng trong hệ thống điện.

3. Bên mua điện để sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trạm biến áp riêng hoặc không có trạm biến áp riêng, nhưng có công suất sử dụng cực đại từ 40 kw trở lên có trách nhiệm:

a) Đăng ký biểu đồ phụ tải và đặc tính kỹ thuật công nghệ của thiết bị sử dụng điện với bên bán điện;

b) Đảm bảo hệ số $\cos\varphi \geq 0,9$ tại điểm đặt thiết bị đo đếm điện trong điều kiện hệ thống điện đảm bảo chất lượng điện năng theo quy định tại Khoản 1 Điều này;

c) Lắp đặt thiết bị bù công suất phản kháng trong trường hợp hệ số $\cos\varphi <$ 0,9 để nâng hệ số $\cos\varphi \geq 0,9$ hoặc mua thêm công suất phản kháng trên hệ thống điện của bên bán điện.

Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, bên mua điện không phải mua công suất phản kháng khi thực hiện hệ số công suất $\cos\varphi$ từ 0,85 trở lên;

d) Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật về sóng hài, dao động điện áp, nhấp nháy điện áp theo quy định.

4. Trường hợp bên mua điện có khả năng phát công suất phản kháng lên hệ thống điện và bên bán điện có nhu cầu mua công suất phản kháng, hai bên có thể thỏa thuận việc mua, bán công suất phản kháng thông qua hợp đồng.

5. Trong trường hợp đặc biệt, các bên mua bán điện có thể thỏa thuận chất lượng điện năng khác với tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này.

6. Bộ Công Thương hướng dẫn việc mua, bán công suất phản kháng quy định tại Điều này.

Điều 16. Đo đếm điện năng

1. Khi thay đổi thiết bị đo đếm điện, bên mua điện và bên bán điện phải cùng ký biên bản xác nhận thông số kỹ thuật của thiết bị đo đếm điện và chỉ số công tơ điện.

2. Trường hợp thiết bị đo đếm điện bị mất hoặc hư hỏng, thì hai bên lập biên bản để xác định nguyên nhân và trách nhiệm của các bên có liên quan. Trường hợp không xác định được nguyên nhân do lỗi của bên mua điện, bên bán điện có trách nhiệm sửa chữa hoặc thay thế thiết bị đo đếm điện mới và tiếp tục cấp điện cho bên mua điện.

3. Bên sử dụng điện mới có trách nhiệm thông báo cho bên bán điện để kiểm tra hệ thống đo đếm điện sau khi tiếp nhận địa điểm sử dụng điện đã có thiết bị đo đếm điện. Trong thời gian chưa thông báo cho bên bán điện, bên sử dụng điện phải chịu trách nhiệm về hệ thống đo đếm điện đã tiếp nhận. Bên bán điện có trách nhiệm tiếp tục cung cấp điện, kiểm tra hệ thống đo đếm điện và ký hợp đồng mua bán điện khi bên sử dụng điện mới đáp ứng đủ điều kiện.

4. Bộ Công Thương có trách nhiệm quy định về đo đếm điện năng trong hệ thống điện; về thu thập, truyền và quản lý số liệu đo đếm tự động trong hệ thống điện.

Điều 17. Ghi chỉ số công tơ điện

1. Đối với việc mua bán điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt, bên bán điện ghi chỉ số công tơ điện mỗi tháng một lần vào ngày ấn định, cho phép dịch chuyển thời điểm ghi chỉ số công tơ trước hoặc sau một ngày, trừ trường hợp bất khả kháng.

2. Đối với việc mua bán điện sử dụng ngoài mục đích sinh hoạt, việc ghi chỉ số công tơ điện của bên bán điện được quy định như sau:

a) Dưới 50.000 kWh/tháng, ghi chỉ số một lần trong một tháng;

b) Từ 50.000 đến 100.000 kWh/tháng, ghi chỉ số hai lần trong một tháng;

c) Trên 100.000 kWh/tháng, ghi chỉ số ba lần trong một tháng.

3. Đối với bên mua điện sử dụng điện năng ít hơn 15 kWh/tháng, chu kỳ ghi chỉ số công tơ do hai bên thỏa thuận.

4. Đối với việc mua bán buôn điện, việc ghi chỉ số công tơ do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng.

5. Bên bán điện phải bảo đảm tính chính xác của chỉ số công tơ điện đã ghi.

Điều 18. Trách nhiệm bảo vệ công tơ điện của bên mua điện

1. Bảo vệ công tơ điện đặt trong phạm vi quản lý của mình theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện. Trường hợp công tơ điện bị mất phải bồi thường, làm hư hỏng phải chịu chi phí cho việc sửa chữa, kiểm định.

2. Không được tự ý tháo gỡ, di chuyển công tơ điện. Khi có nhu cầu di chuyển công tơ điện sang vị trí khác, phải được sự đồng ý của bên bán điện và phải chịu chi phí di chuyển.

Điều 19. Kiểm định thiết bị đo đếm điện bị khiếu nại

1. Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động điện lực và sử dụng điện tại địa phương có trách nhiệm tổ chức việc kiểm định thiết bị đo đếm điện theo yêu cầu của bên mua điện theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 Luật điện lực.

2. Tổ chức kiểm định độc lập được Sở Công Thương mời thực hiện việc kiểm định thiết bị đo đếm điện phải là tổ chức không có quyền và lợi ích liên quan

đến các bên mua bán điện và trước đó chưa tham gia vào việc kiểm định thiết bị đo đếm điện đang bị khiếu nại.

Điều 20. Thanh toán tiền điện

1. Hóa đơn thanh toán tiền điện được lập theo chu kỳ ghi chỉ số công tơ điện. Hình thức thông báo thanh toán tiền điện do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện.

2. Trường hợp thiết bị đo đếm điện không chính xác so với tiêu chuẩn quy định, tiền điện phải thanh toán theo quy định tại Điều 23 Luật điện lực, Khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực và được xác định như sau:

a) Nếu xác định được thời gian thiết bị đo đếm điện không chính xác, bên bán điện phải hoàn trả lại tiền điện năng thực tế đã thu vượt hoặc được truy thu tiền điện năng còn thiếu của bên mua điện;

b) Nếu không xác định được thời gian thiết bị đo đếm điện chạy nhanh, bên bán điện phải hoàn trả lại tiền điện đã thu vượt trội theo thời hạn tính toán là 01 chu kỳ ghi chỉ số công tơ điện không bao gồm kỳ đang sử dụng điện nhưng chưa đến ngày ghi chỉ số.

3. Trường hợp bên mua điện sử dụng điện trong thời gian hệ thống thiết bị đo đếm điện bị hư hỏng làm cho công tơ điện ngừng hoạt động, tiền điện phải thanh toán được tính theo điện năng bình quân ngày của 03 chu kỳ ghi chỉ số công tơ điện liền kề trước đó nhân với số ngày thực tế sử dụng điện. Số ngày thực tế sử dụng điện được tính từ thời điểm công tơ ngừng hoạt động được lưu lại trong bộ nhớ của công tơ điện hoặc từ ngày ghi chỉ số công tơ điện gần nhất trong trường hợp công tơ điện không lưu lại được thời điểm ngừng hoạt động đến ngày hệ thống thiết bị đo đếm điện được phục hồi hoạt động.

4. Trường hợp bên mua điện sử dụng điện trong thời gian công tơ điện bị mất thì tiền điện phải thanh toán được tính theo điện năng bình quân ngày của 03 chu kỳ ghi chỉ số công tơ điện liền kề trước đó nhân với số ngày thực tế sử dụng điện, số ngày thực tế sử dụng điện được tính từ ngày ghi chỉ số công tơ điện gần nhất đến ngày công tơ điện được lắp đặt và hoạt động trở lại.

5. Khuyến khích thanh toán tiền điện qua hệ thống ngân hàng, tại địa điểm thu tiền điện của bên bán điện.

6. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tổ chức việc hòa giải tranh chấp về thanh toán tiền điện theo quy định tại Khoản 5 Điều 23 Luật điện lực là Sở Công Thương hoặc cơ quan, tổ chức khác do hai bên thỏa thuận.

Điều 21. Quyền được vào khu vực quản lý của bên mua điện

Người được đơn vị điện lực cử vào khu vực quản lý của bên mua điện để thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 41, Điểm đ Khoản 1 Điều 43 và Điểm đ Khoản 1 Điều 44 Luật điện lực phải xuất trình với bên mua điện một trong các giấy tờ sau:

1. Thẻ Kiểm tra viên điện lực đối với hoạt động kiểm tra điện.

2. Thẻ cán bộ, nhân viên do đơn vị bán điện cấp đối với nhân viên ghi chỉ số công tơ, bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế trang thiết bị điện của đơn vị phân phối điện.

Điều 22. Mua bán điện với nước ngoài

1. Cơ quan có thẩm quyền cho phép mua bán điện với nước ngoài quy định tại Khoản 1 Điều 28 Luật điện lực bao gồm:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương mua bán điện với nước ngoài qua lưới điện quốc gia từ cấp điện áp 220 kV trở lên. Bộ Công Thương xem xét đề nghị mua bán điện với nước ngoài của các đơn vị điện lực, trình Thủ tướng Chính phủ;

b) Bộ Công Thương phê duyệt chủ trương mua bán điện với nước ngoài qua lưới điện quốc gia có cấp điện áp dưới 220 kV theo đề nghị của đơn vị điện lực.

2. Khách hàng sử dụng điện ở khu vực biên giới quy định tại Khoản 3 Điều 28 Luật điện lực chỉ được mua điện trực tiếp với nước ngoài ở cấp điện áp 0,4 kV và phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Là công dân Việt Nam;

b) Có quy mô công suất sử dụng điện dưới 10 kW và không đấu nối được vào hệ thống điện quốc gia hoặc lưới điện tại chỗ;

c) Toàn bộ phần lưới điện từ biên giới đến địa điểm sử dụng điện do bên mua điện đầu tư và quản lý vận hành;

d) Đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn điện;

đ) Được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý, giám sát, kiểm tra việc mua điện với nước ngoài quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 23. Trách nhiệm báo cáo chi phí sản xuất kinh doanh điện và báo cáo tài chính

1. Đơn vị điện lực có trách nhiệm báo cáo Cơ quan Điều tiết điện lực chi phí sản xuất kinh doanh điện và báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán.

2. Bộ Công Thương quy định cụ thể đơn vị điện lực có trách nhiệm báo cáo; hướng dẫn nội dung báo cáo và trình tự lập báo cáo chi phí sản xuất kinh doanh điện, kiểm tra và xác nhận giá thành sản xuất, kinh doanh điện của đơn vị điện lực quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 24. Phê duyệt giá điện và phí

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm quy định phương pháp, trình tự lập và thẩm định khung giá phát điện, khung giá bán buôn điện, giá truyền tải điện, giá

dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, phí điều độ vận hành hệ thống điện, phí điều hành giao dịch thị trường điện lực sau khi lấy ý kiến của Bộ Tài chính.

2. Bộ trưởng Bộ Công Thương có trách nhiệm phê duyệt:

a) Phí điều độ vận hành hệ thống điện, phí điều hành giao dịch thị trường điện lực sau khi lấy ý kiến của Bộ Tài chính;

b) Khung giá phát điện, khung giá bán buôn điện, giá truyền tải điện, giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện trừ trường hợp quy định tại Khoản 22 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực.

Điều 25. Giá điện hai thành phần

Áp dụng giá điện hai thành phần gồm giá công suất và giá điện năng. Bộ Công Thương xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt lộ trình thực hiện và đối tượng áp dụng.

Điều 26. Giá phát điện và giá bán buôn điện

1. Giá phát điện và giá bán buôn điện theo hợp đồng mua bán điện có thời hạn do bên mua điện và bên bán điện thỏa thuận theo phương pháp do Bộ Công Thương hướng dẫn, nhưng không được vượt quá khung giá đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trong quá trình đàm phán, trường hợp chưa thỏa thuận được về giá phát điện, giá bán buôn điện để ký hợp đồng mua bán điện có thời hạn, Bộ Công Thương quyết định mức giá tạm thời để áp dụng cho đến khi bên mua điện và bên bán điện thỏa thuận được mức giá chính thức.

3. Bộ Công Thương có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

Điều 27. Kiểm tra hợp đồng mua bán điện có thời hạn

1. Cơ quan Điều tiết điện lực có trách nhiệm kiểm tra các loại hợp đồng sau:

a) Hợp đồng mua bán điện có thời hạn giữa đơn vị phát điện và đơn vị mua điện; Hợp đồng dịch vụ phụ trợ giữa đơn vị phát điện và đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện;

b) Hợp đồng mua bán buôn điện có thời hạn trên thị trường bán buôn điện; Hợp đồng mua buôn điện có thời hạn của Tổng công ty điện lực.

2. Nội dung kiểm tra theo quy định tại Điều 22 Luật điện lực.

3. Bộ Công Thương có trách nhiệm ban hành Hợp đồng mẫu, trình tự kiểm tra các loại hợp đồng quy định tại Khoản 1 Điều này và xử lý đối với các hợp đồng sai quy định.

Điều 28. [9] *(được bãi bỏ)*

Điều 29. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động phát điện

Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật đăng ký hoạt động phát điện phải đáp ứng các điều kiện sau:[10]

1. [11] Có dự án đầu tư xây dựng nhà máy điện phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực được duyệt. Các hạng mục công trình nhà máy điện được xây dựng, lắp đặt theo thiết kế được phê duyệt, được kiểm tra, nghiệm thu đạt yêu cầu theo quy định.

2. Người trực tiếp quản lý kỹ thuật, vận hành phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành điện hoặc kỹ thuật phù hợp và có thời gian làm việc trong lĩnh vực phát điện ít nhất 05 năm. Người trực tiếp vận hành phải được đào tạo chuyên ngành phù hợp, được đào tạo về an toàn, được đào tạo và cấp chứng chỉ vận hành nhà máy điện, thị trường điện theo quy định.

3. Có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống điều khiển giám sát, thu thập dữ liệu phù hợp với yêu cầu của hệ thống điện và thị trường điện lực theo quy định của pháp luật.

4. Các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được kiểm định đạt yêu cầu kỹ thuật.

5. Có báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án phát điện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp nhận, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Có hệ thống phòng cháy và chữa cháy của nhà máy điện được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu theo quy định của pháp luật.

7. Có quy trình vận hành hồ chứa đối với nhà máy thủy điện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

8. Các tài liệu pháp lý về an toàn đập thủy điện đối với nhà máy thủy điện theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động truyền tải điện

Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật đăng ký hoạt động truyền tải điện phải đáp ứng các điều kiện sau: [12]

---

[9] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[10] Đoạn này được sửa đổi theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[11] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[12] Đoạn này được sửa đổi theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

1.[13] Có trang thiết bị công nghệ, công trình đường dây và trạm biến áp được xây dựng, lắp đặt theo thiết kế kỹ thuật được duyệt; được kiểm tra, nghiệm thu đạt yêu cầu theo quy định; hệ thống phòng cháy và chữa cháy đảm bảo yêu cầu theo quy định.

2. Người trực tiếp quản lý kỹ thuật phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành điện và có kinh nghiệm trong lĩnh vực truyền tải điện ít nhất 05 năm. Người trực tiếp vận hành phải được đào tạo, kiểm tra quy trình vận hành và quy định an toàn điện theo quy định pháp luật.

Điều 31. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động phân phối điện

Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật đăng ký hoạt động phân phối điện phải đáp ứng các điều kiện sau: [14]

1.[15] Có trang thiết bị công nghệ, công trình đường dây và trạm biến áp được xây dựng, lắp đặt, kiểm tra, nghiệm thu đạt yêu cầu theo quy định; hệ thống phòng cháy và chữa cháy đảm bảo yêu cầu theo quy định.

2.[16] Người trực tiếp quản lý kỹ thuật, vận hành phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành điện và có thời gian làm việc trong lĩnh vực phân phối điện ít nhất 03 năm. Người trực tiếp vận hành phải được đào tạo chuyên ngành điện hoặc có giấy chứng nhận đào tạo về điện do cơ sở dạy nghề cấp, được kiểm tra quy trình vận hành và quy định an toàn theo quy định pháp luật.

3.[17] ***(được bãi bỏ)***

Điều 32. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện [18]

Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật đăng ký hoạt động bán buôn điện phải đáp ứng điều kiện: Người trực tiếp quản lý kinh doanh bán buôn điện phải có bằng đại học trở lên thuộc chuyên ngành điện, kinh tế, tài chính hoặc chuyên ngành tương tự và có thời gian làm việc trong lĩnh vực kinh doanh mua bán điện ít nhất 05 năm.

---

[13] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[14] Đoạn này được sửa đổi theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[15] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[16] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[17] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[18] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 5 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

Các đơn vị đáp ứng được điều kiện về bán buôn điện được phép hoạt động xuất nhập khẩu điện.

2. [19] ***(được bãi bỏ)***

3. [20] ***(được bãi bỏ)***

4. [21] ***(được bãi bỏ)***

Điều 33. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện

Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật và cá nhân đăng ký hoạt động bán lẻ điện phải đáp ứng điều kiện sau: [22]

1.[23] Người trực tiếp quản lý kinh doanh bán lẻ điện phải có bằng trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành điện, kinh tế, tài chính hoặc chuyên ngành tương tự và có thời gian làm việc trong lĩnh vực kinh doanh mua bán điện ít nhất 03 năm.

2.[24] ***(được bãi bỏ)***

3.[25] ***(được bãi bỏ)***

Điều 34. [26] ***(được bãi bỏ)***

Điều 35. [27] ***(được bãi bỏ)***

Điều 36. [28] ***(được bãi bỏ)***

---

[19] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[20] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[21] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[22] Đoạn này được sửa đổi theo quy định tại Điểm a Khoản 6 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[23] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điểm b Khoản 6 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[24] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[25] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[26] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 7 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[27] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 7 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[28] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 7 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

Điều 37. [29] ***(được bãi bỏ)***

Điều 38. Hoạt động tư vấn chuyên ngành điện lực [30]

1. Hoạt động tư vấn chuyên ngành điện lực bao gồm: Tư vấn đầu tư xây dựng công trình điện (không bao gồm hoạt động lập dự án đầu tư, đấu thầu công trình điện) và tư vấn giám sát thi công các công trình điện (bao gồm nhà máy thủy điện, nhà máy nhiệt điện, đường dây và trạm biến áp).

2. Điều kiện hoạt động tư vấn chuyên ngành điện lực chỉ áp dụng đối với các hạng mục công trình liên quan trực tiếp đến chuyên ngành điện, các hạng mục công trình xây dựng áp dụng theo quy định pháp luật về xây dựng.

3. Bảng phân hạng về quy mô của công trình nguồn và lưới điện áp dụng trong hoạt động tư vấn chuyên ngành điện lực:

	Thủy điện	**Nhiệt điện**	**Đường dây và trạm biến áp**
Hạng 1	Trên 300 MW	Trên 300 MW	Trên 220 kV
Hạng 2	Đến 300 MW	Đến 300 MW	Đến 220 kV
Hạng 3	Đến 100 MW		Đến 110 kV
Hạng 4	Đến 30 MW		Đến 35 kV

4. Đối với nhà máy điện sử dụng năng lượng tái tạo theo nguyên lý sử dụng sức nước, sức gió và quang năng được phân hạng và áp dụng điều kiện cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện lực tương tự như công trình nhà máy thủy điện.

5. Đối với nhà máy điện sử dụng năng lượng tái tạo theo nguyên lý chuyển đổi từ nhiệt năng được phân hạng và áp dụng điều kiện cấp giấy phép tư vấn chuyên ngành điện lực tương tự như công trình nhà máy nhiệt điện.

Điều 39. Điều kiện cấp giấy phép tư vấn đầu tư xây dựng công trình nhà máy thủy điện

Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật đăng ký hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng công trình nhà máy thủy điện phải đáp ứng các điều kiện sau:[31]

---

[29] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 7 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[30] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 7 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[31] Đoạn này được sửa đổi theo quy định tại Điểm a Khoản 8 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

1. [32] ***(được bãi bỏ)***

2. [33] ***(được bãi bỏ)***

3. [34] Là tổ chức có đội ngũ chuyên gia tư vấn, trong đó chuyên gia tư vấn chính phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành điện, thủy điện, thủy lợi, địa chất, môi trường hoặc chuyên ngành tương tự, có kinh nghiệm công tác ít nhất 05 năm trong lĩnh vực tư vấn và đã tham gia thiết kế ít nhất một dự án nhà máy thủy điện có quy mô công suất tương đương và có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng phù hợp.

4. [35] ***(được bãi bỏ)***

5. Có trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, phần mềm ứng dụng cần thiết cho việc tư vấn đầu tư xây dựng các công trình nhà máy thủy điện.

6. [36] Có số lượng chuyên gia tư vấn chính theo hạng công trình thủy điện như sau:

Hạng 1: Có 25 chuyên gia trở lên;

Hạng 2: Có 20 chuyên gia trở lên;

Hạng 3: Có 15 chuyên gia trở lên;

Hạng 4: Có 10 chuyên gia trở lên.

Điều 40. Điều kiện cấp giấy phép tư vấn đầu tư xây dựng công trình nhà máy nhiệt điện

Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật đăng ký hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng công trình nhà máy nhiệt điện phải đáp ứng các điều kiện sau: [37]

---

[32] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 8 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[33] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 8 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[34] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điểm b Khoản 8 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[35] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 8 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[36] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điểm b Khoản 8 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[37] Đoạn này được sửa đổi theo quy định tại Điểm a Khoản 9 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

1. [38] ***(được bãi bỏ)***

2. [39] ***(được bãi bỏ)***

3. [40] Là tổ chức có đội ngũ chuyên gia tư vấn, trong đó chuyên gia tư vấn chính phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành điện, nhiệt điện, địa chất, môi trường hoặc chuyên ngành tương tự, có kinh nghiệm công tác ít nhất 05 năm trong lĩnh vực tư vấn và đã tham gia thiết kế ít nhất một dự án nhà máy nhiệt điện có quy mô công suất tương đương và có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng phù hợp.

4. [41] ***(được bãi bỏ)***

5. Có trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, phần mềm ứng dụng cần thiết cho việc tư vấn đầu tư xây dựng các công trình nhà máy nhiệt điện.

6. [42] Có số lượng chuyên gia tư vấn chính theo hạng công trình nhiệt điện như sau:

Hạng 1: Có 20 chuyên gia trở lên;

Hạng 2: Có 10 chuyên gia trở lên.

Điều 41. Điều kiện cấp giấy phép tư vấn đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp

Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật đăng ký hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp phải đáp ứng các điều kiện sau:[43]

1. [44] ***(được bãi bỏ)***

---

[38] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 9 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[39] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 9 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[40] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[41] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 9 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[42] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[43] Đoạn này được sửa đổi theo quy định tại Điểm a Khoản 10 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[44] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 10 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

2. [45] ***(được bãi bỏ)***

3. [46] Là tổ chức có đội ngũ chuyên gia tư vấn, trong đó chuyên gia tư vấn chính phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành điện, hệ thống điện, điện kỹ thuật, thiết bị điện, tự động hóa, môi trường hoặc chuyên ngành tương tự, có kinh nghiệm công tác ít nhất 05 năm trong lĩnh vực tư vấn và đã tham gia thiết kế ít nhất một dự án đường dây và trạm biến áp với cấp điện áp tương đương và có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng phù hợp.

4. [47] ***(được bãi bỏ)***

5. Có trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, phần mềm ứng dụng cần thiết cho việc tư vấn đầu tư xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp.

6.[48] Có số lượng chuyên gia tư vấn chính theo hạng công trình đường dây và trạm biến áp như sau:

Hạng 1: Có 20 chuyên gia trở lên;

Hạng 2: Có 15 chuyên gia trở lên;

Hạng 3: Có 10 chuyên gia trở lên;

Hạng 4: Có 05 chuyên gia trở lên.

Điều 42. Điều kiện cấp giấy phép tư vấn giám sát thi công công trình nhà máy thủy điện

Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật đăng ký hoạt động tư vấn giám sát thi công công trình nhà máy thủy điện phải đáp ứng các điều kiện sau:[49]

1. [50] ***(được bãi bỏ)***

---

[45] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 10 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[46] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điểm b Khoản 10 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[47] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 10 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[48] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điểm b Khoản 10 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[49] Đoạn này được sửa đổi theo quy định tại Điểm a Khoản 11 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[50] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 11 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

2. [51] ***(được bãi bỏ)***

3. [52] Là tổ chức có đội ngũ chuyên gia tư vấn, trong đó chuyên gia tư vấn chính phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành điện hoặc chuyên ngành tương tự, có kinh nghiệm công tác ít nhất 05 năm trong lĩnh vực tư vấn và đã tham gia giám sát thi công ít nhất một công trình nhà máy thủy điện có quy mô công suất tương đương và có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng phù hợp.

4. [53] ***(được bãi bỏ)***

5. Có trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật cần thiết cho việc giám sát thi công các công trình nhà máy thủy điện.

6. [54] Có số lượng chuyên gia chính tư vấn theo hạng công trình thủy điện như sau:

Hạng 1: Có 20 chuyên gia trở lên;

Hạng 2: Có 17 chuyên gia trở lên;

Hạng 3: Có 12 chuyên gia trở lên;

Hạng 4: Có 08 chuyên gia trở lên.

Điều 43. Điều kiện cấp giấy phép tư vấn giám sát thi công công trình nhà máy nhiệt điện

Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật đăng ký hoạt động tư vấn giám sát thi công công trình nhà máy nhiệt điện phải đáp ứng các điều kiện sau: [55]

1. [56] ***(được bãi bỏ)***

---

[51] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 11 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[52] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điểm b Khoản 11 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[53] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 11 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[54] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điểm b Khoản 11 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[55] Đoạn này được sửa đổi theo quy định tại Điểm a Khoản 12 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[56] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 12 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

2. [57] ***(được bãi bỏ)***

3. [58] Là tổ chức có đội ngũ chuyên gia tư vấn, trong đó chuyên gia tư vấn chính phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành điện, địa chất, kinh tế, tài chính hoặc chuyên ngành tương tự, có kinh nghiệm công tác ít nhất 05 năm trong lĩnh vực tư vấn, đã tham gia giám sát thi công ít nhất một công trình nhà máy nhiệt điện có quy mô công suất tương đương và có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng phù hợp.

4. [59] ***(được bãi bỏ)***

5. Có trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, phần mềm ứng dụng cần thiết cho việc giám sát thi công các công trình nhà máy nhiệt điện.

6.[60] Có số lượng chuyên gia tư vấn chính theo hạng công trình nhiệt điện như sau:

Hạng 1: Có 20 chuyên gia trở lên;

Hạng 2: Có 15 chuyên gia trở lên.

Điều 44. Điều kiện cấp giấy phép tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp

Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật đăng ký hoạt động tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp phải đáp ứng các điều kiện sau: [61]

1.[62] ***(được bãi bỏ)***

2.[63] ***(được bãi bỏ)***

---

[57] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 12 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[58] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điểm b Khoản 12 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[59] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 12 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[60] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điểm b Khoản 12 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[61] Đoạn này được sửa đổi theo quy định tại Điểm a Khoản 13 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[62] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 13 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[63] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 13 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

3.[64] Là tổ chức có đội ngũ chuyên gia tư vấn, trong đó chuyên gia tư vấn chính phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành điện, tự động hóa hoặc chuyên ngành tương tự, có kinh nghiệm công tác ít nhất 05 năm trong lĩnh vực tư vấn, đã tham gia giám sát thi công ít nhất một công trình đường dây và trạm biến áp với cấp điện áp tương đương và có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng phù hợp.

4.[65] ***(được bãi bỏ)***

5. Có trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, phần mềm ứng dụng cần thiết cho việc tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp.

6.[66] Có số lượng chuyên gia tư vấn chính theo hạng công trình đường dây và trạm biến áp như sau:

Hạng 1: Có 20 chuyên gia trở lên;

Hạng 2: Có 15 chuyên gia trở lên;

Hạng 3: Có 10 chuyên gia trở lên;

Hạng 4: Có 05 chuyên gia trở lên.

Điều 45. Sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực

Giấy phép hoạt động điện lực được sửa đổi, bổ sung trong các trường hợp sau đây:

1. Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khi có sự thay đổi một trong các nội dung quy định trong giấy phép hoạt động điện lực.

2. Trong trường hợp cần thiết, vì mục đích bảo vệ lợi ích kinh tế - xã hội và phúc lợi công cộng, cơ quan cấp giấy phép có quyền sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực về truyền tải điện, phân phối điện. Việc sửa đổi hoặc bổ sung đó phải phù hợp với khả năng của đơn vị được cấp giấy phép.

Điều 46. Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực

1. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hoạt động điện lực bị thu hồi giấy phép hoạt động điện lực trong các trường hợp quy định tại Điều 37 Luật điện lực.

2. Khi thu hồi giấy phép hoạt động điện lực, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xác định rõ thời hạn đơn vị điện lực phải tiếp tục hoạt động để không làm ảnh hưởng đến cung cấp điện cho khách hàng sử dụng điện.

---

[64] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điểm b Khoản 13 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[65] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 13 Điều 7 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[66] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điểm b Khoản 13 Điều 6 Chương III Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày bị thu hồi giấy phép, đơn vị điện lực có quyền khiếu nại với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thu hồi giấy phép.

Điều 47. Lệ phí, phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực

1. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hoạt động điện lực có trách nhiệm:

a) Nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động điện lực;

b) Nộp phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực.

2. Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí và phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 48. Điều tiết hoạt động điện lực

1. Nội dung điều tiết hoạt động điện lực được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 66 Luật điện lực và Khoản 23 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực.

2. Cơ quan Điều tiết điện lực là cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện các nội dung điều tiết điện lực. Bộ trưởng Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Điều tiết điện lực.

Điều 49. Kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm quy định nội dung, thẩm quyền, trình tự, thủ tục kiểm tra, giải quyết tranh chấp trong hoạt động điện lực và sử dụng điện.

2. Cơ quan Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm theo thẩm quyền về hoạt động điện lực, sử dụng điện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí đủ nhân lực thực hiện công tác kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện tại địa phương.

3. Đơn vị điện lực có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về sử dụng điện, bảo vệ an toàn công trình điện lực và lưới điện.

Điều 50. Hiệu lực thi hành [67]

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 12 năm 2013.

2. Nghị định số 105/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực hết hiệu lực thi hành từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

---

[67] Điều 19 Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018 quy định như sau:

*"**Điều 19. Hiệu lực thi hành và thực hiện***

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./."

Điều 51. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật điện lực, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực và Nghị định này; hướng dẫn những nội dung cần thiết khác của Nghị định để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân, có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ CÔNG THƯƠNG
Số: 10 /VBHN-BCT

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Website Bộ Công Thương;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế (để đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về quản lý văn bản);
- Lưu: VT, ĐTĐL.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT
Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2018
BỘ TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh